

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:01/VH/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH VINH HIẾN

Địa chỉ: Ấp Thạnh Phong, xã Phú Thành, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 0273 523 436 Fax: 0273 523 436

E-mail: info@gaovinhvien.vn

Mã số doanh nghiệp: 1200 528 906

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gạo TAIYO

2. Thành phần: 100% Gạo

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên bao bì sản phẩm (Ngày/Tháng/Năm)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

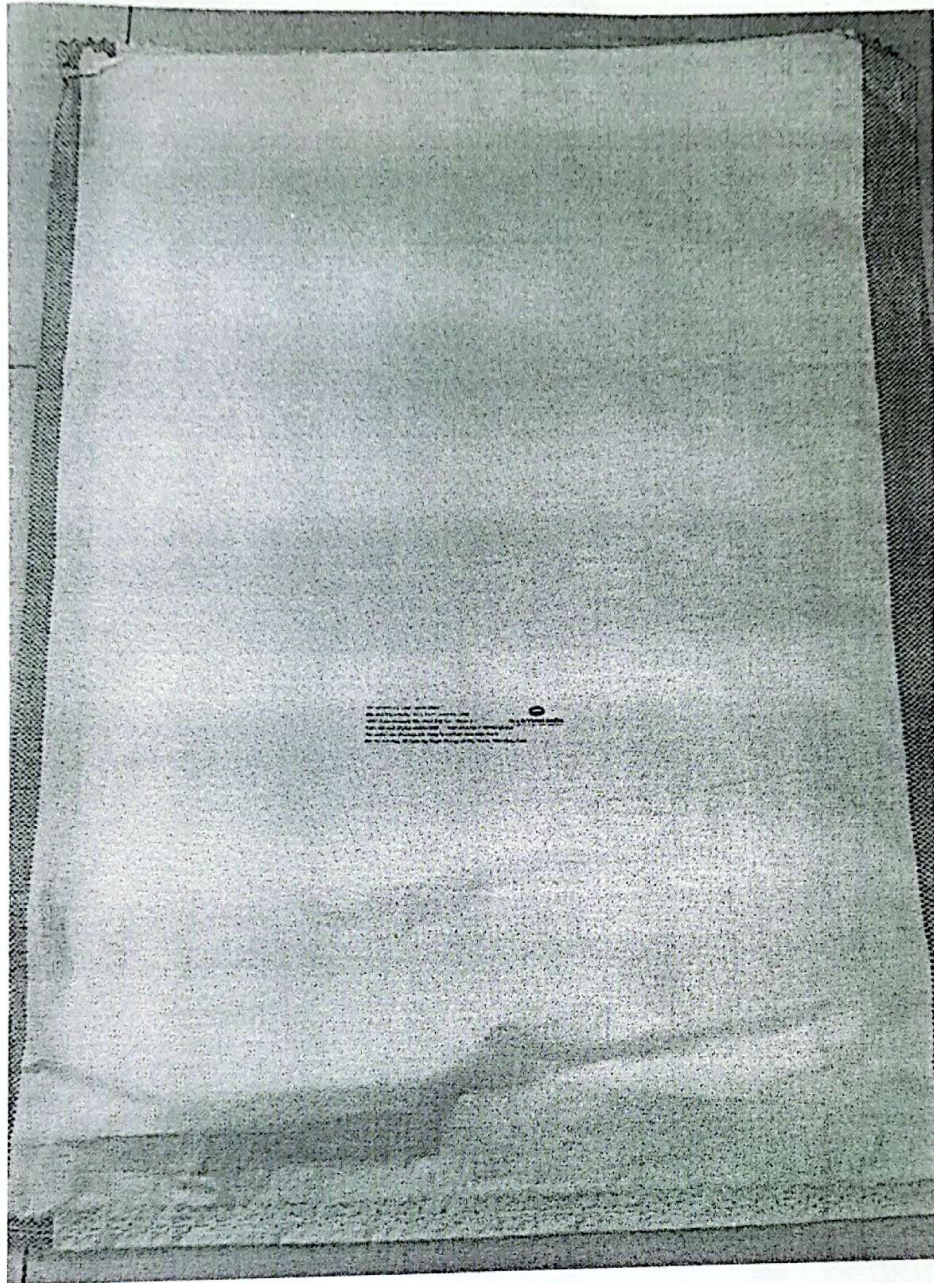
- Đóng gói PE, PA/PE, OPP/PE đạt tiêu chuẩn QCVN 12-1:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp; các kích cỡ tiêu chuẩn: 0.5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg; 10kg

- Đóng gói các bao bì chất liệu PP đạt tiêu chuẩn QCVN 12-1:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm nhựa tổng hợp; các kích cỡ tiêu chuẩn: 5kg; 9kg; 10kg; 15kg; 18kg; 20kg; 25kg; 50kg.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Ấp Thạnh Phong, xã Phú Thành, tỉnh Đồng Tháp

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)



289
ĐNG
FNH
ĐĐ
ĐNG

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học trong thực phẩm theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

Tên chỉ tiêu	Mức tối đa (CFU trong 1g hay 1ml thực phẩm) (*)
Tổng số vi sinh vật hiếu khí	10^6
<i>Coliforms</i>	10^3
<i>E.coli</i>	10^2
<i>S.aureus</i>	10^2
<i>Cl.perfringens</i>	10^2

<i>B. cereus</i>	10 ⁹
Tổng số bào tử nấm men - nấm mốc	10 ⁸

2. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

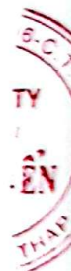
Tên chỉ tiêu	Mức tối đa ML ($\mu\text{g}/\text{kg}$)
Allatoxin B1	2
Allatoxin tổng số	4
Ochratoxin A	3

3. QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Tên chỉ tiêu	Mức tối đa ML (mg/kg)
Cadimi (Cd)	0,4
Chì (Pb)	0,2
Asen (As)	1,0

4. Thông tư số 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Tên chỉ tiêu	Mức tối đa ML (mg/kg)
2,4-D	0,1
Acephate	1
Azoxystrobin	5
Carbendazini	2
Carbofuran	0,1
Chlorantraniliprole	0,4
Chlorpyrifos	0,5
Chlorpyrifos-Methyl	0,1
Clothianidin	0,5
Cycloxydim	0,09
Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	1
Cypermethrins (bao gồm alpha- and zeta - cypermethrin)	2
Dichlorvos	1,5
Diflubenzuron	0,01
Dinotefuran	8



Flufenprox	0,01
Fenthion	0,05
Fipronil	0,01
Flutolanil	2
Glufosinate-Ammonium	0,9
Imazamox	0,01
Imazapic	0,05
Iprodione	10
Mesotrione	0,01
Methamidophos	0,6
Paraquat	0,05
Sulfuryl fluoride	0,1
Tebuconazole	1,5
Tebufenozide	0,1
Thiacloprid	0,02
Trifloxystrobin	5

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 03 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Huyền Vân Danh

KT3-10645ATP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/11/2025
Page 01/04

- Tên mẫu
Name of sample : **GẠO NHẬT TAIYO**
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 24/10/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 24/10/2025 – 03/11/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH VINH HIẾN**
Số 1102, quốc lộ 50, ấp Thạnh Phong, xã Phú Thành, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02-04/04*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-10645ATP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2025
Page 02/04

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Năng lượng ^(*) / Calories • kcal/100 g	QTTN/KT3 024:2018		-	344
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g Protein content	QUATEST3 1057:2023 Kjeldahl method		-	5,64
7.3. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ ^(*) , g/100 g Carbohydrate excluding fibre content	QUATEST3 1091:2023		-	78,8
7.4. Hàm lượng béo, g/100 g Fat content	QUATEST3 1056:2023 (có thủy phân)		-	0,70
7.5. Hàm lượng natri, mg/100 g Sodium content	QUATEST3 1111:2023 (Ref: AOAC 969.23)	1,30		Nhỏ hơn 3,90 ⁽¹⁾ Less than
7.6. Độ ẩm, g/100 g Moisture content	TCVN 11888:2017		-	13,5
7.7. Tỷ lệ tằm, % Broken kernel	TCVN 11888:2017		-	11,7
7.8. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg Aflatoxin content	TCVN 7596 : 2007			
• B1		0,25		Không phát hiện Not detected
• B2		0,25		Không phát hiện Not detected
• G1		0,25		Không phát hiện Not detected
• G2		0,25		Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg Aflatoxin B1 content	TCVN 7596 : 2007	0,25		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

CHỖ VÀI
UNG
Y THU
EU CH
O LƯU
AT LU
ĐỒ LƯU

KT3-10645ATP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2025
Page 03/04

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/ <i>Limit of Detection</i>	Phạm vi đo/ <i>Range of measurement</i> (≥)	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.10. Hàm lượng arsen tổng số, <i>Total arsenic content</i> mg/kg	TCVN 8427 : 2010	-		6,81 x 10 ⁻²
7.11. Hàm lượng cadimi, <i>Cadmium content</i> mg/kg	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	3,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.12. Hàm lượng chì, <i>Lead content</i> mg/kg	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	3,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.13. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, <i>Pesticide content</i>				
• 2,4-D	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Acephate	QUATEST3 1184:2023	0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Azoxystrobin	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Carbaryl	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Carbofuran	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Carbendazim	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Chlorantraniliprole	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Alpha -Chlordane	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Gamma -Chlordane	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện <i>Not detected</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-10645ATP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2025
Page 04/04

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (\geq)	Kết quả thử nghiệm Test result
• Chlorpyrifos-methyl	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện Not detected
• Chlorpyrifos-ethyl	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện Not detected
• Clothianidin	QUATEST3 1184:2023	0,005		Không phát hiện Not detected
• Cycloxydim	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Cyhalothrin	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện Not detected
• Cypermethrin	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện Not detected
• Dichlorvos	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện Not detected
• Diflubenzuron	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện Not detected
• Dinotefuran	EN 15662:2018	0,005		Nhỏ hơn 0,01 ⁽¹⁾ Less than

Ghi chú/ Notes: Hàm lượng protein/ Protein = 5,95 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen
(1): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A021735
(VSTN26004387)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

13/03/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu : **GAO NHẬT TAIYO**
Name of sample
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Description
- Dạng mẫu: hạt/viên / Form: grain/Pellet
- Dụng cụ chứa: bao nylon / Container: nylon bag
- Số đơn vị/mẫu: 800 g / Unit/sample: 800 g
- Số lượng mẫu : 01
Quantity
- Ngày nhận mẫu : 05/03/2026
Date of receipt
- Thời gian thử nghiệm : 05/03/2026 - 13/03/2026
Testing duration
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH VINH HIỂN**
Số 1102, quốc lộ 50, ấp Thạnh Phong, xã Phú Thành, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Customer
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)
Testing result (s)

TRƯỞNG PTN CÔNG NGHỆ SINH HỌC
HEAD OF BIOTECHNOLOGY TESTING LAB.



Trần Thị Ánh Nguyệt

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

Q326A021735
(VSTN26004387)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

13/03/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005	< 10 (a)	
7.2	Coliforms	CFU/g	ISO 4832:2006	< 10 (a)	
7.3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	< 10 (a)	
7.4	Nhóm <i>Bacillus cereus</i> <i>Bacillus cereus</i> group	CFU/g	AOAC 980.31	< 10 (a)	
7.5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	AOAC 975.55	< 10 (a)	
7.6	Tổng số vi sinh vật hiếu khí <i>Total aerobic plate count</i>	CFU/g	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022	2,0 x 10 ¹	
7.7	Phát hiện GMO bằng phương pháp sàng lọc:CP4 – EPSPS <i>Detection of GMO by screening method:CP4 – EPSPS</i>		QUATEST3 1234:2024 (Ref. QL-ELE-00-019)	KPH	0,01%
7.8	Phát hiện GMO bằng phương pháp sàng lọc:Cry1Ab/Ac <i>Detection of GMO by screening method:Cry1Ab/Ac</i>		QUATEST3 1233:2024 (Ref. QL-ELE-00-016)	KPH	0,01%
7.9	Phát hiện GMO bằng phương pháp sàng lọc:FMV 35S Promoter <i>Detection of GMO by screening method:FMV 35S Promoter</i>		QUATEST3 1230:2024 (Ref. QL-ELE-00-015)	KPH	0,01%
7.10	Phát hiện GMO bằng phương pháp sàng lọc:Phosphinothricin N – acetyltransferase (bar gen) <i>Detection of GMO by screening method:Phosphinothricin N – acetyltransferase (bar gen)</i>		QUATEST3 1231:2024 (Ref. QL-ELE-00-014)	KPH	0,01%
7.11	Phát hiện GMO bằng phương pháp sàng lọc:Phosphinothricin N – acetyltransferase (pat gen) <i>Detection of GMO by screening method:Phosphinothricin N – acetyltransferase (pat gen)</i>		QUATEST3 1232:2024 (Ref. QT-ELE-00-002)	KPH	0,01%

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A021735
(VSTN26004387)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

13/03/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.12	Phát hiện GMO bằng phương pháp sàng lọc: Promoter CaMV 35S <i>Detection of GMO by screening method: Promoter CaMV 35S</i>		QUATEST3 1228:2024 (Ref. QT-ELE-00-004)	KPH	0,01%
7.13	Phát hiện GMO bằng phương pháp sàng lọc: Terminator NOS <i>Detection of GMO by screening method: Terminator NOS</i>		QUATEST3 1229:2024 (Ref. QL-ELE-00-011)	KPH	0,01%
7.14	Phát hiện GMO bằng phương pháp sàng lọc: nptII <i>Detection of GMO by screening method: nptII</i>		QUATEST3 1235:2024 (Ref. QL-ELE-00-003)	KPH	0,01%

Ghi chú / Notes:

- AOAC: Association of Official Analytical Chemists
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*
- (a): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị “< 1 CFU/ mL” hoặc “< 10 CFU/ g” khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa / *According to the test method, the result is expressed as “< 1 CFU/ mL” or “< 10 CFU/ g” when the dish contains no colony*



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Certificate of analysis

Số/No: 26VNP03.0134.01

Trang/Page: 1/2

ĐƠN VỊ YÊU CẦU VÀ GỬI MẪU/Client: CÔNG TY TNHH VINH HIỂN
ĐỊA CHỈ/Address: Số 1102, Ấp Thanh Phong, Xã Phú Thành, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.
TÊN MẪU/Sample type: gạo Nhật Taiyo
Mã số mẫu/Sample ID: Không có/NA
Ngày nhận mẫu: 19-03-2026 **Ngày trả kết quả:** 01-04-2026
Date of receiving *Date of issue*
Ghi chú/Note: Không có/NA

I. MÔ TẢ MẪU/Sample description:

- Ngoại quan/Appearance: Mẫu chứa trong bao bì/ Sample contained in the packaging.
- Bao gói, niêm phong/Packing or Seal condition: Không có/NA.

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/Test result(s)

STT No.	Chỉ tiêu thử nghiệm Parameters	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Phương pháp thử Test Method
1.	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	KPH/ND (LOD: 1,0)	VNP-C10106
2.	Fipronil	mg/kg	KPH/ND (LOD: 0,003)	HD.TN.081:2021 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) ⁽³⁾
3.	Flutolanil	mg/kg	KPH/ND (LOD: 0,003)	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) ⁽³⁾
4.	Fenthion	mg/kg	KPH/ND (LOD: 0,003)	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) ⁽³⁾
5.	Glufosinate-ammonium	mg/kg	KPH/ND (LOD: 0,05)	QuPPE-Method Version 12.1 (2023) (LC/MS/MS) ⁽³⁾
6.	Imazamox	µg/kg	KPH/ND (LOD: 0,003)	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) ⁽³⁾
7.	Imazapic	µg/kg	KPH/ND (LOD: 0,003)	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) ⁽³⁾
8.	Mesotrione	mg/kg	KPH/ND (LOD: 0,003)	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (ii) ⁽³⁾
9.	Methamidophos	mg/kg	KPH/ND (LOD: 0,003)	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (ii) ⁽³⁾
10.	Paraquat	mg/kg	KPH/ND (LOD: 0,03)	QuPPE-Method Version 12.1 (2023) (LC/MS/MS) ⁽³⁾
11.	Tebufenozide	mg/kg	KPH/ND (LOD: 0,003)	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (ii) ⁽³⁾

Chứng thư/kết quả này là tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của Vinapass, được phát hành dành riêng cho khách hàng của Vinapass. Trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Vinapass và khách hàng; và tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung". Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

This certificate/report is the intellectual property of Vinapass; issued solely to Vinapass's Client on the basis of agreed requirements between Vinapass and Client; and, in accordance with the "General Terms and Conditions of Service". Any unauthorized copy, alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is illegal and violators may be prosecuted to the law.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Certificate of analysis

Số/No: 26VNP03.0134.01

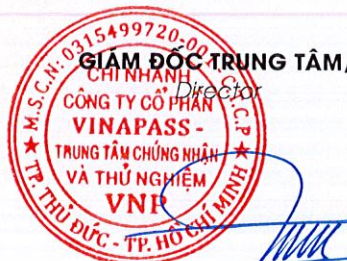
Trang/Page: 2/2

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ Test result(s)

STT No.	Chỉ tiêu thử nghiệm Parameters	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Phương pháp thử Test Method
12.	Thiacloprid	µg/kg	KPH/ND (LOD: 0,003)	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (ii) ⁽³⁾
13.	Trifloxystrobin	mg/kg	KPH/ND (LOD: 0,003)	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (ii) ⁽³⁾
14.	Tebuconazole	mg/kg	< 0,01	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (ii) ⁽³⁾
15.	Iprodione	mg/kg	KPH/ND (LOD: 0,003)	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) ⁽³⁾
16.	Etofenprox	mg/kg	KPH/ND (LOD: 0,003)	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) ⁽³⁾
17.	Hàm lượng sulfuryl fluoride	mg/kg	KPH/ND (LOD: 0,015)	QUATEST3 1220:2024 (GC/MS) ⁽³⁾

PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM/
Officer in charge of laboratory

Trương Tấn Hoàng Hiệp



Trịnh Xuân Tiến

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is only valid on tested sample.
- Thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu/ The above information is submitted and identified by the client/applicant.
- Chỉ tiêu đánh dấu ⁽¹⁾ đã được công nhận (ISO/IEC 17025)/ Items are accredited (ISO/IEC 17025).
- Chỉ tiêu ⁽²⁾ đã được chỉ định/ Items are appointed.
- Chỉ tiêu ⁽³⁾ sử dụng nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor.
- Chỉ tiêu ⁽³⁾ sử dụng nhà thầu phụ và đã được công nhận (ISO/IEC 17025)/ Items are tested by subcontractor and are accredited (ISO/IEC 17025).
- LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng/ LOD: Limit of detection, LOQ: Limit of quantification.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected.
- < 10 CFU/g hoặc < 1 CFU/ml: không có khuẩn lạc nào hiện diện trên đĩa thạch môi trường/ If no growth observed report the result as < 10 CFU/g or < 1 CFU/ml.
- (ii) Phương pháp được Cục Chất Lượng, Chế Biến và Phát Triển Thị Trường (NAFIQPM) chỉ định (Mã số phòng thử nghiệm: 018/2017/BNN-KNTP)/ The method is accredited by Nation Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development (NAFIQPM). (Lab code: 018/2017/BNN-KNTP).